

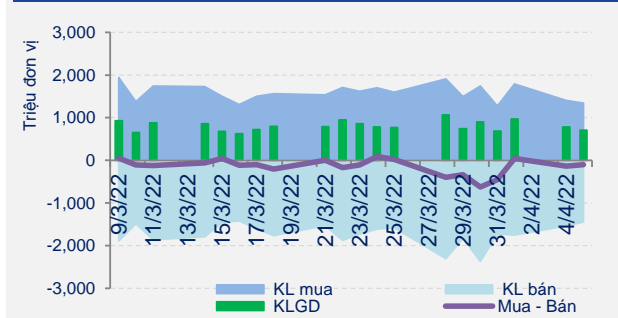
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 5/4/2022

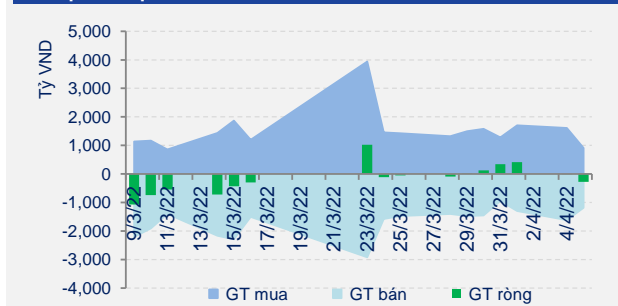
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,520.03	456.10
% Thay đổi	↓ -0.31%	↓ -0.56%
KLGD (CP)	703,528,600	94,178,230
GTGD (tỷ đồng)	21,809.86	2,919.06
Tổng cung (CP)	1,445,155,100	148,959,100
Tổng cầu (CP)	1,342,639,600	112,986,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	31,290,100	742,500
KL mua (CP)	23,734,400	260,800
GT mua (tỷ đồng)	913.32	7.09
GT bán (tỷ đồng)	1,188.52	24.73
GT ròng (tỷ đồng)	(275.19)	(17.64)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.04%	24.2	4.1	2.5%
Công nghiệp	↓ -0.17%	24.3	3.3	18.7%
Dầu khí	↑ 0.01%	18.8	2.1	1.3%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.08%	-	21.0	3.5%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.89%	16.3	2.6	1.0%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.07%	19.8	3.7	10.6%
Ngân hàng	↓ -0.95%	12.5	2.4	11.5%
Nguyên vật liệu	↑ 0.04%	10.7	2.6	13.9%
Tài chính	↓ -0.25%	22.4	3.2	34.8%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 1.09%	18.3	2.8	2.2%
VN - Index	↓ -0.31%	17.8	3.9	
HNX - Index	↓ -0.56%	22.3	3.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Mỹ tiếp tục đi lên trong phiên đêm qua nhưng tại thị trường Việt Nam, tâm lý nhà đầu tư vẫn tỏ ra thận trọng thể hiện qua việc thanh khoản khớp lệnh tiếp tục suy giảm và là phiên thứ hai liên tiếp dưới mức trung bình 20 phiên. Sau ba phiên tăng liên tiếp thì thị trường đã có một phiên điều chỉnh nhẹ. Cụ thể, VN-Index giảm 4,67 điểm (-0,31%) xuống 1.520,03 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về tiêu cực với 179 mã tăng (8 mã tăng trần), 43 mã tham chiếu, 273 mã giảm (2 mã giảm sàn). Tin tức về việc hủy bỏ 9 lô trái phiếu của Tân Hoàng Minh có lẽ đã tác động tiêu cực đến nhóm bất động sản khiến nhiều mã chìm trong sắc đỏ IDC (-3%), DIG (-1,6%), KBC (-1,8%), ITA (-0,6%), HQC (-2,5%)... Các cổ phiếu thuộc nhóm FLC cũng đồng loạt giảm trong phiên hôm nay sau thông tin bắt thêm 1 người thuộc Ban kế toán tập đoàn như FLC (-2,2%), ROS (-5,4%), ART (-7,3%), HAI (-3,8%), AMD (-5,4%), KLF (-5%). Những nhóm cổ phiếu mang tính thị trường cao như ngân hàng với VPB (-1,8%), MBB (-1,1%), TCB (-1,2%), STB (-1,2%), CTG (-1,5%), TPB (-1,1%), SHB (-1,8%), ACB (-1,5%)... và chứng khoán với SSI (-1,6%), SHS (-1,8%), VIX (-2%), HCM (-1,9%), VCI (-1,2%), ORS (-1,4%), FTS (-1,6%)... cũng đồng loạt điều chỉnh trong phiên hôm nay khi áp lực chốt lời gia tăng. Ở chiều ngược lại, giá dầu thế giới tăng trở lại trong thời gian qua giúp cho nhóm dầu khí khởi sắc trở lại, có thể kể đến BSR (+1,9%), PVD (+0,7%), OIL (+1,1%), PSH (+1,6%), TDG (+0,4%), GAS (+1,7%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Sau ba phiên tăng điểm liên tiếp thì VN-Index (-0,31%) đã điều chỉnh nhẹ trong phiên hôm nay. Thanh khoản khớp lệnh tiếp tục suy giảm và là phiên thứ hai liên tiếp thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy tâm lý nhà đầu tư đang có sự thận trọng nhất định ở thời điểm hiện tại. Có lẽ một số thông tin tiêu cực trong nước cũng như trên thế giới xuất hiện thời gian gần đây đã gây tác động không mấy tích cực đến nhà đầu tư. Vùng gap tạo bởi phiên 1/4 và 4/4 có thể sẽ được lấp lại trong thời gian tới. Tuy nhiên, trên góc độ kỹ thuật, xu hướng thị trường vẫn là tích cực và đà tăng có thể sẽ sớm trở lại trong thời gian tới. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 6/4, VN-Index có thể sẽ biến động giằng co và đi ngang với biên độ trong khoảng 1.515-1.530 điểm để lấp hoàn toàn vùng gap trong khoảng 1.515-1.523 điểm. Những nhà đầu tư đã tham gia mua vào trước đó trong vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và canh chốt lời nếu thị trường tiến vào vùng kháng cự trong khoảng 1.530-1.550 điểm.

MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **5/4/2022**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch khá giằng co trong phiên hôm nay với sắc xanh và sắc đỏ đan xen nhau. Chỉ số đạt mức cao nhất trong phiên tại 1.527,57 điểm và mức thấp nhất trong phiên tại 1.519,28 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 4,67 điểm (-0,31%) xuống 1.520,03 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: BID giảm 950 đồng, VNM giảm 1.800 đồng, VPB giảm 700 đồng. Ở chiều ngược lại, GAS tăng 1.900 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 460,32 điểm. Về chiều, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số điều chỉnh xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 456,1 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 2,59 điểm (-0,56%) xuống 456,1 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: HUT giảm 2.200 đồng, SHS giảm 800 đồng, IDC giảm 2.400 đồng. Ở chiều ngược lại, THD tăng 500 đồng.

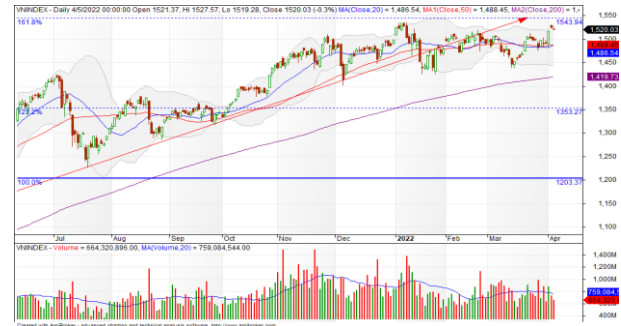
GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 275,19 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 7,6 triệu cổ phiếu. VHM là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 68,2 tỷ đồng tương ứng với 890 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VIC với 59,3 tỷ đồng tương ứng với 725 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, NVL là mã được mua ròng nhiều nhất với 52,3 tỷ đồng tương ứng với 596 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 17,77 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 481,7 nghìn cổ phiếu. VCS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 8,1 tỷ đồng tương ứng với 68,9 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là BVS với 8 tỷ đồng tương ứng với 208 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVG là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 920 triệu đồng tương ứng với 60,2 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm nhẹ sau ba phiên tăng điểm liên tiếp với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần đây. Kết hợp với diễn biến trong phiên hôm nay thì có thể thấy là nhà đầu tư đang khá thận trọng ở vùng giá hiện tại khiến cho lực mua cũng như lực bán không thực sự dứt khoát.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ kỹ thuật thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên điều chỉnh nhẹ hôm nay (-0,31%) thì xu hướng tăng của chỉ số VN-Index đã bị suy yếu đi đôi chút và vùng gap lập ra trước đó trong khoảng 1.515-1.523 điểm có thể bị lấp trong các phiên tới.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 6/4, VN-Index có thể sẽ biến động giằng co và đi ngang với biên độ trong khoảng 1.515-1.530 điểm để lấp hoàn toàn khoảng gap giữa hai phiên 1/4 và 4/4.

Tuy nhiên, thị trường vẫn có thể biến động tích cực trở lại nếu như dòng tiền đổ mạnh vào thị trường và đưa chỉ số VN-Index tiến vào vùng kháng cự trong khoảng 1.530-1.550 điểm.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Ngân hàng thế giới dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt 5,3%

Theo Ngân hàng Thế giới, dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt 5,3% chỉ là kịch bản cơ bản, xấu hơn nữa kịch bản dự báo có thể chỉ còn 4,4%.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước đi ngang	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 68,2 - 68,85 triệu đồng/lượng, không đổi ở chiều mua vào và giảm 50.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm không đổi	Sau phiên tăng giá nhẹ đầu tuần này, tỷ giá trung tâm USD ngày 5/4, theo công bố của Ngân hàng Nhà nước được niêm yết ở mức 23.098 đồng/USD, đứng giá sau với phiên giao dịch ngày hôm qua (4/4).

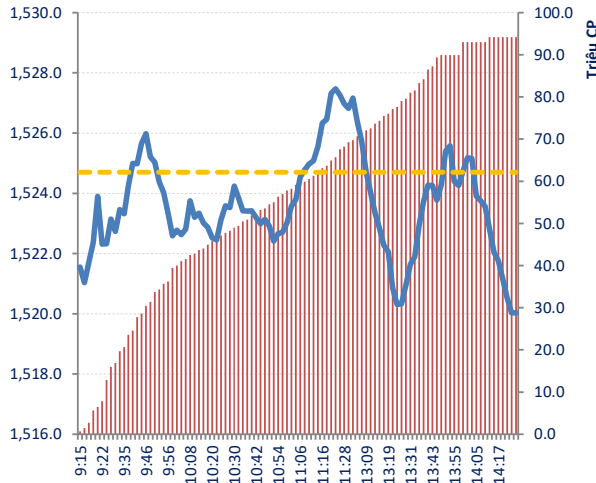
TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 7,3 USD/ounce tương ứng với 0,38% lên 1.926,7 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,104 điểm tương ứng 0,11% xuống 98,875 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,0979 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3138 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 122,81 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,86 USD/thùng tương ứng với 0,83% lên 104,19 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 4/4, Dow Jones tăng 103,61 điểm tương ứng với 0,3% lên 34.921,88 điểm. Nasdaq tăng 271,05 điểm tương đương 1,9% lên 14.532,55 điểm. S&P 500 tăng 36,78 điểm tương đương 0,81% lên 4.582,64 điểm.

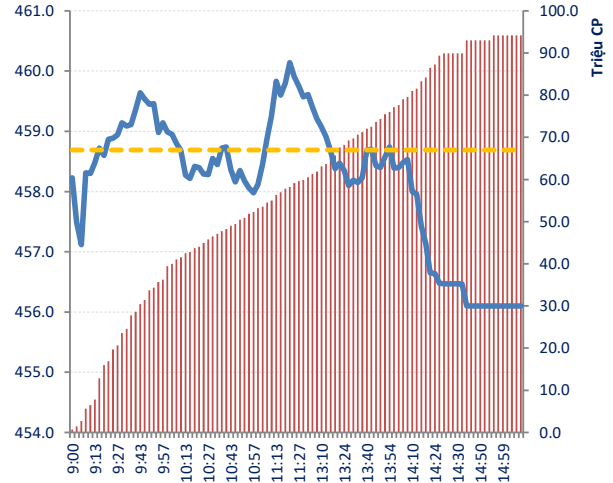


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

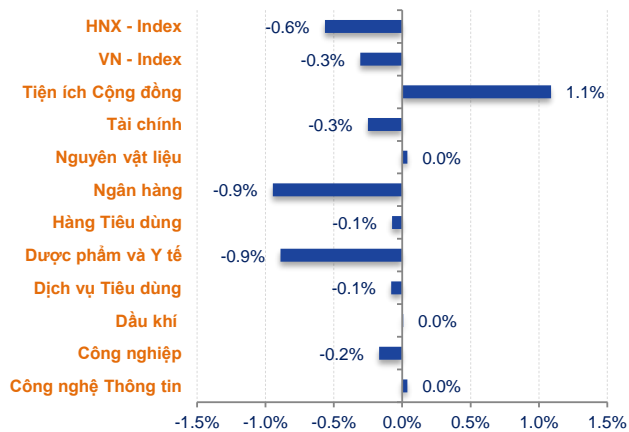
KLGD và VN-Index trong phiên



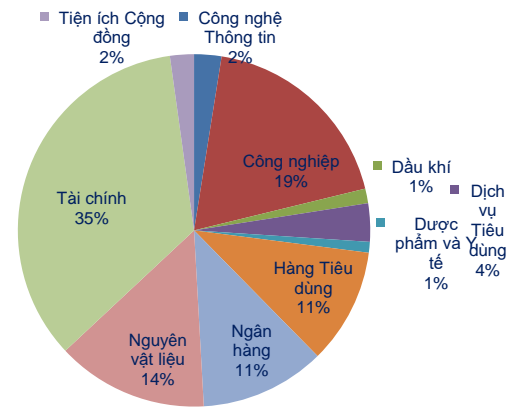
KLGD và HNX-Index trong phiên



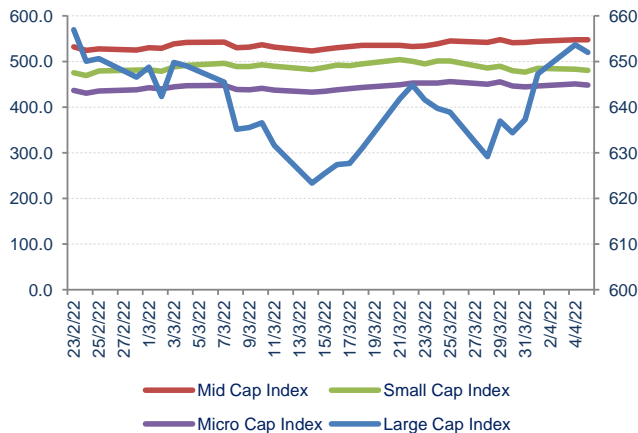
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



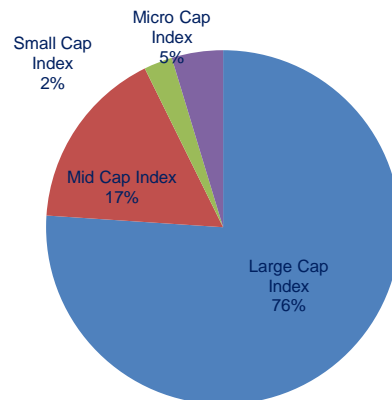
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FUEVFNVD	873,700	FLC	1,570,600
2	NVL	596,200	HPG	1,018,800
3	HNG	472,900	FUESSVFL	984,900
4	HDB	453,200	E1VFN30	972,500
5	HCM	405,000	VHM	889,600

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVG	60,200	KLF	229,900
2	TVD	24,900	BVS	208,300
3	PSW	20,100	VCS	68,900
4	INN	14,100	EID	50,600
5	VGS	13,000	PVS	40,700

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	11.60	11.35	↓ -2.16%	39,370,900
ROS	7.40	7.00	↓ -5.41%	21,511,400
LCG	21.10	22.55	↑ 6.87%	18,528,000
VND	33.90	34.60	↑ 2.06%	17,035,800
OGC	19.20	20.50	↑ 6.77%	15,922,500

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLF	6.00	5.70	↓ -5.00%	12,610,926
IDC	81.10	78.70	↓ -2.96%	8,942,416
ART	9.60	8.90	↓ -7.29%	4,610,953
NVB	38.70	38.70	→ 0.00%	4,289,200
AMV	11.20	11.50	↑ 2.68%	4,036,706

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TRC	47.20	50.50	3.30	↑ 6.99%
QBS	8.01	8.57	0.56	↑ 6.99%
CNG	37.35	39.95	2.60	↑ 6.96%
LCG	21.10	22.55	1.45	↑ 6.87%
ELC	27.00	28.85	1.85	↑ 6.85%

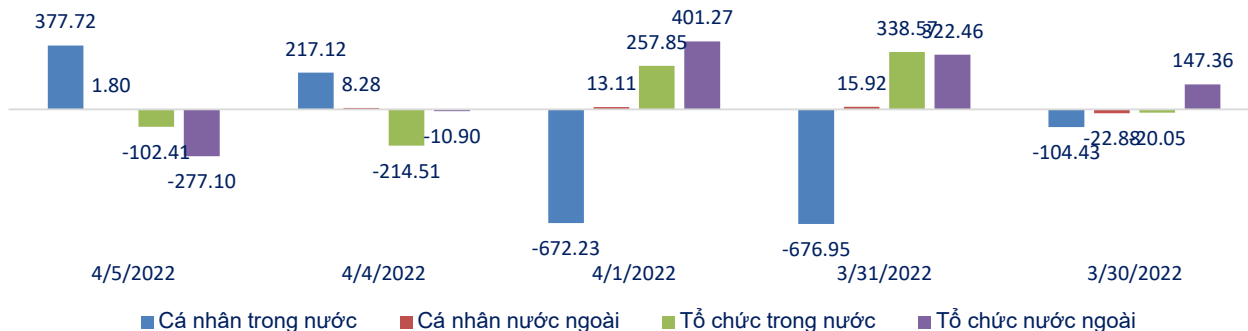
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
RCL	21.20	23.30	2.10	↑ 9.91%
DNC	83.80	92.10	8.30	↑ 9.90%
VDL	18.20	20.00	1.80	↑ 9.89%
SDN	49.60	54.50	4.90	↑ 9.88%
CKV	20.30	22.30	2.00	↑ 9.85%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SMA	14.30	13.30	-1.00	↓ -6.99%
NVT	29.00	27.00	-2.00	↓ -6.90%
MCP	30.15	28.10	-2.05	↓ -6.80%
VFG	68.00	63.50	-4.50	↓ -6.62%
HTV	17.45	16.40	-1.05	↓ -6.02%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MHL	11.10	10.00	-1.10	↓ -9.91%
L62	8.10	7.30	-0.80	↓ -9.88%
KSD	12.30	11.10	-1.20	↓ -9.76%
PEN	14.90	13.50	-1.40	↓ -9.40%
VMS	16.50	15.00	-1.50	↓ -9.09%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	72.68	-1.7%	(650)	-	2.0
VHM	58.48	35.2%	8,991	8.5	2.5
DGC	43.05	45.9%	13,959	15.8	7.4
KDH	41.78	13.1%	1,931	27.3	3.3
GMD	37.23	9.0%	2,031	29.0	2.5

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-77.02	46.0%	7,708	5.9	2.3
ACB	-49.02	23.9%	3,554	9.4	2.0
NVL	-37.34	8.8%	1,692	51.1	4.1
OGC	-18.30	11.0%	482	39.8	4.1
DXG	-15.36	10.3%	1,939	22.5	2.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HCM	6.72	19.5%	3,381	10.6	2.1
SSI	4.14	13.0%	1,352	33.3	3.3
HDC	2.08	23.6%	3,664	28.3	6.0
HDB	1.45	21.8%	3,031	9.6	1.9
BCG	1.30	10.8%	2,139	12.6	1.0

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EVE	-4.38	6.3%	1,544	13.1	0.9
BID	-3.21	12.7%	2,084	21.2	2.6
LCG	-2.91	8.7%	1,362	15.5	1.5
VHM	-2.26	35.2%	8,991	8.5	2.5
TMS	-2.12	19.6%	6,873	15.9	3.3

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	123.99	46.0%	7,708	5.9	2.3
ACB	49.02	23.9%	3,554	9.4	2.0
E1VFVN30	25.05	N/A	N/A	N/A	N/A
FUESSVFL	22.06	N/A	N/A	N/A	N/A
OGC	17.89	11.0%	482	39.8	4.1

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-32.38	45.9%	13,959	15.8	7.4
VPB	-32.06	16.9%	2,642	14.8	2.0
FUEVFVND	-30.88	N/A	N/A	N/A	N/A
MSN	-29.88	25.4%	7,269	20.6	4.2
CII	-29.47	-4.1%	(1,389)	-	0.9

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	52.66	8.8%	1,692	51.1	4.1
FUEVFVND	26.71	N/A	N/A	N/A	N/A
DXG	14.15	10.3%	1,939	22.5	2.0
HDB	11.62	21.8%	3,031	9.6	1.9
VNM	11.19	30.3%	5,042	16.3	4.8

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-65.91	35.2%	8,991	8.5	2.5
VIC	-59.15	-1.7%	(650)	-	2.0
HPG	-46.42	46.0%	7,708	5.9	2.3
KDH	-41.56	13.1%	1,931	27.3	3.3
GMD	-35.79	9.0%	2,031	29.0	2.5



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	39,370,900	0.7%	119	97.5	0.8
ROS	21,511,400	3250.0%	168	44.1	0.7
LCG	18,528,000	8.7%	1,362	15.5	1.5
VND	17,035,800	19.6%	916	37.0	1.7
OGC	15,922,500	11.0%	482	39.8	4.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	12,610,926	0.4%	40	148.5	0.6
IDC	8,942,416	9.6%	1,508	53.8	5.2
ART	4,610,953	3.0%	350	27.5	0.8
NVB	4,289,200	0.0%	3	12,132.1	3.6
AMV	4,036,706	7.7%	922	12.7	0.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TRC	↑ 7.0%	6.2%	3,338	14.1	0.9
QBS	↑ 7.0%	0.1%	6	1,383.7	0.9
CNG	↑ 7.0%	16.0%	3,048	12.3	2.1
LCG	↑ 6.9%	8.7%	1,362	15.5	1.5
ELC	↑ 6.9%	5.6%	950	28.4	1.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
RCL	↑ 9.9%	4.9%	1,109	19.1	1.0
DNC	↑ 9.9%	34.6%	5,123	16.4	6.0
VDL	↑ 9.9%	2.1%	291	62.5	1.3
SDN	↑ 9.9%	28.7%	8,581	5.8	1.6
CKV	↑ 9.9%	2.4%	495	41.0	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
UEVFN	873,700	N/A	N/A	N/A	N/A
NVL	596,200	8.8%	1,692	51.1	4.1
HNG	472,900	-15.3%	(1,010)	-	1.4
HDB	453,200	21.8%	3,031	9.6	1.9
HCM	405,000	19.5%	3,381	10.6	2.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVG	60,200	3.0%	401	36.9	1.1
TVD	24,900	19.0%	2,261	8.2	1.5
PSW	20,100	26.6%	3,374	6.2	1.5
INN	14,100	13.3%	3,948	13.1	1.7
VGS	13,000	16.2%	3,059	11.8	2.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	390,906	21.6%	4,632	17.8	3.6
VHM	332,238	35.2%	8,991	8.5	2.5
VIC	315,412	-1.7%	(650)	-	2.0
BID	223,840	12.7%	2,084	21.2	2.6
GAS	215,128	17.1%	4,531	24.8	4.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	59,675	21.8%	2,805	60.8	9.4
KSF	32,220	9.0%	1,373	78.2	5.4
IDC	24,330	9.6%	1,508	53.8	5.2
NVB	21,548	0.0%	3	12,132.1	3.6
VCS	18,752	40.6%	11,096	10.6	3.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TNI	3.04	-2.8%	(310)	-	0.7
CII	2.98	-4.1%	(1,389)	-	0.9
NHA	2.68	0.8%	77	776.0	6.0
SGR	2.68	4.8%	580	50.3	2.5
DLG	2.59	0.7%	56	135.5	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	2.80	7.0%	343	36.8	2.5
CEO	2.47	2.7%	362	179.6	4.7
ART	2.31	3.0%	350	27.5	0.8
KLF	2.15	0.4%	40	148.5	0.6
VC7	2.06	2.6%	354	64.7	2.1



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiện
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn